TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2025
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

2. Ông Đặng Song Hoàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 508/2024/TLST-HNGĐ ngày 03-10-2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-4-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05-5-2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: A L, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; địa chỉ liên hệ: G, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(có mặt)*.

2. *Bị đơn:* Ông Phùng Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: A L, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Cao Thị T **trình bày:**

Bà T và ông Phùng Văn H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 20-10-1998 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian đầu bà T và ông H chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do hai người không hòa hợp, không có sự chia sẻ và bất đồng quan điểm sống. Dù đã hàn gắn nhưng các bên đều nhận thấy không còn yêu thương nhau nên không thể tiếp tục chung sống. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông H có 02 người con chung là anh Phùng Minh H1, sinh ngày 26-3-1999 và cháu Phùng Thủy T1, sinh ngày 25-12-2007. Sau khi ly hôn, do anh H1 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu T1 thì do cháu T1 hiện đang ở với ông H và cũng có nguyện vọng được ở với ông H để ông H chu cấp ăn học nên bà T đồng ý giao cháu T1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng thì hiện tại bà T đang ở phòng trọ, không có công việc ổn định nên không thể cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phùng Văn H**:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông H đến làm việc nhưng ông H vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đúng quy định. Đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị T được ly hôn với ông Phùng Văn H. Về con chung: Do anh H1 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động; bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; đối với cháu T1 hiện đang ở với ông H và có nguyện vọng được ở với ông H để ông H chu cấp ăn học nên đề nghị giao cháu T1 cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng do không có yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Phùng Văn H có địa chỉ tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Phùng Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị T và ông Phùng Văn H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 20-10-1998 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh

Thanh Hóa nên là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trình bày thì thời gian đầu bà T và ông H chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể chia sẻ và đồng cảm với nhau. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông H, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh ông H có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H thì đại diện địa phương cho biết bà T và ông H có xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ mâu thuẫn cụ thể. Theo bà T trình bày thì bà T không nhận được sự chia sẻ, quan tâm từ ông H và thường xuyên đánh đập bà T; do đó mà từ đầu năm 2025 cho đến nay bà T đã chuyển sang ở phòng trọ, không còn sống cùng ông H nữa.

Nhận thấy, hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ và chồng cùng yêu thương, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông H vắng mặt, cũng không gửi ý kiến phản hồi cho Tòa án, điều này chứng tỏ ông H cũng không muốn duy trì quan hệ hôn nhân với bà T. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông H có 02 người con chung là anh Phùng Minh H1, sinh ngày 26-3-1999 và cháu Phùng Thủy T1, sinh ngày 25-12-2007. Sau khi ly hôn, do anh H1 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Đối với cháu T1 thì bà T đồng ý giao cháu T1 cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà T hiện đang ở phòng trọ, không có công việc ổn định nên không thể cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu T1 hiện đang ở với ông H và cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với ông H để ông H chu cấp nuôi ăn học; ông H cũng không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của bà T về vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và tránh xáo trộn môi trường sống của cháu nên giao cháu T1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do ông H không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Cao Thị T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Cao Thị T về việc "Ly hôn" đối với bị đơn là ông Phùng Văn H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị T được ly hôn với ông Phùng Văn H.

1.2. Về con chung: Đối với anh Phùng Minh H1, sinh ngày 26-3-1999 đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động nên không xem xét.

Giao cháu Phùng Thủy T1, sinh ngày 25-12-2007 cho ông Phùng Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, bà Cao Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Cao Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Cao Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0004341 ngày 03-10-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- UBND xã H, huyện H, Thanh Hóa (GCNKH số 15/1998 ngày 20-10-1998);
- Lưu hồ sơ vụ án.